

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2026

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC DÂN SỐ

Căn cứ Quyết định số 4376/QĐ-SYT ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Sở Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Dân số thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 97/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính Bãi bỏ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 343/2016/TTBTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5325/QĐ-SYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Tài vụ, Chi cục Dân số,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Chi cục Dân số (đính kèm biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính và Tài vụ, các phòng chuyên môn, công chức và người lao động có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.TCHCTV.

CHI CỤC TRƯỞNG



Phạm Chánh Trung

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 (Kèm theo Quyết định số **03** /QĐ-CCDS ngày **15** tháng **01** năm 2026
 của Chi cục Dân số)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.044
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.244
1	Chi quản lý hành chính	13.244
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.469
1.1.1	Chi thanh toán cá nhân	5.889
	- Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	3.342
	- Các khoản phụ cấp	197
	- Tiền thưởng thường xuyên	291
	- Phúc lợi tập thể	500
	- Các khoản đóng góp	635
	- Các khoản thanh toán cho Các nhân	924
1.1.2	Thanh toán dịch vụ công cộng	150
1.1.3	Chi vật tư văn phòng	60
1.1.4	Thông tin liên lạc	20
1.1.5	Hội nghị	150
1.1.6	Công tác phí	120
1.1.7	Chi phí thuê mướn	20
1.1.8	Sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên TSCCD	50
1.1.9	Chi khác	10
1.1.10	Tiết kiệm cải cách 10% (theo quy định)	0
1.1.11	Cải cách tiền lương bổ sung từ ngân sách	0

1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.775
	Nhiệm vụ được giao	
1.2.1	Hoạt động	
	Kinh phí Đảng	
	Kinh phí bồi dưỡng ban chỉ đạo, họp ban chỉ đạo	
1.2.2	Sửa chữa, bảo trì, duy tu	
1.2.3	Mua sắm trang thiết bị làm việc	0
	Máy điều hòa	
	Máy photo	
1.2.4	Chi thanh toán cá nhân	
	- Tiết kiệm 10% từ mua sắm, sửa chữa (CCTL)	
	- Ngân sách cấp bổ sung (CCTL)	5.158
	- Trợ cấp thôi việc	80
	- Quỹ tiền thưởng	241
1.2.5	Mua sắm xe ô tô chuyên dùng	1.296
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.800
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.800
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	

3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chỉ quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

